

*
Số -QĐ/ĐU

Đồ Sơn, ngày tháng năm 2026

QUY ĐỊNH

**về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm,
giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ,
từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 298-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu;

- Căn cứ Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 30/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ phường, nhiệm kỳ 2025-2030;

- Xét đề nghị của Ban Xây dựng Đảng đảng ủy phường;

Ban Thường vụ Đảng ủy phường quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ, như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý cán bộ và nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

2. Văn bản này áp dụng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị phường.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Tiếp tục cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, Thành ủy và Đảng ủy phường bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch

trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ. Đánh giá cán bộ thường xuyên, khách quan, công tâm, chính xác; quy hoạch, lựa chọn và bố trí đúng cán bộ; thực hiện có hiệu quả cơ chế "có vào, có ra, có lên, có xuống" trong công tác cán bộ; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn đặt ra.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy phường đối với công tác cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng giữa các thế hệ; chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới; gắn bó mật thiết với Nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý cán bộ

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Căn cứ các Quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tiễn, Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy phường:

1.1. Quyết định chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thông qua các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập của phường.

1.2. Lãnh đạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị phường; trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt phường, các ngành.

1.3. Phân công, phân cấp công tác quản lý cán bộ, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cho các cấp ủy, tổ chức đảng; đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ phường.

2. Bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định; đồng thời, phát huy đầy đủ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và cá nhân liên quan, trước hết là người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ:

2.1. Những vấn đề về chủ trương, chính sách, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ phải do cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của tập thể cấp

ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về cán bộ và công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

2.3. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng; cấp ủy cấp dưới chấp hành nghị quyết, quyết định của cấp ủy cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Công tác cán bộ là các đường lối, chủ trương, chính sách, quy định về phân cấp quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách; kiểm tra, kiểm soát, giám sát... đối với cán bộ nhằm lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ.

2. Phân cấp quản lý cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền phân cấp hoặc ủy quyền cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tham gia hoặc trực tiếp quản lý một số khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và quyết định các khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định.

3. Bổ nhiệm cán bộ là quyết định, quy định của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ vào chức vụ cao hơn, tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm (khi cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hoặc do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy).

4. Quy hoạch cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn chức vụ đang đảm nhiệm.

5. Cho thôi giữ chức vụ là quyết định của cấp có thẩm quyền cho cán bộ chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm để bố trí công tác khác hoặc nghỉ công tác, nghỉ hưu (không bao gồm các trường hợp được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển hoặc được bố trí công tác khác theo yêu cầu công tác cán bộ).

6. Từ chức là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm khi chưa hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

7. Miễn nhiệm là quyết định của cấp có thẩm quyền chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm đối với cán bộ nhưng chưa đến mức cách chức.

8. Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

9. Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

10. Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền dừng việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cán bộ trong một thời hạn nhất định. Tạm đình chỉ công tác không phải là hình thức kỷ luật.

11. Đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền đưa cán bộ ra khỏi quy hoạch chức danh đã được phê duyệt quy hoạch.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 5. Nội dung quản lý cán bộ

1. Phân cấp quản lý cán bộ.
2. Đánh giá cán bộ.
3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

4. Tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, thôi tham gia cấp ủy; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với cán bộ.

5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ; đi công tác, học tập, đi việc riêng ở trong nước và nước ngoài đối với cán bộ.

7. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thực hiện nội dung phân cấp, uỷ quyền trong công tác cán bộ.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ phường thực hiện định hướng và quyết định những chủ trương, vấn đề hệ trọng về công tác cán bộ và cán bộ theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ phường.

2. Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt của

phường, các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường và tương đương (trừ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) theo phân cấp quản lý cán bộ; đồng thời phân công, phân cấp cho các cấp ủy quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung đối với chức danh cán bộ khác.

3. Cấp ủy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ đang công tác, sinh hoạt đảng ở cơ quan, đơn vị, trong đó có cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

4. Trường hợp một người đồng thời được giao đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất của người đó xem xét, quyết định.

5. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ chính sách theo quy định của cấp có thẩm quyền; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ phường

1. Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ trong đảng bộ, bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Trung ương, Ban Thường vụ Thành ủy và Ban Thường vụ Đảng ủy phường.

2. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương, Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ tại phường.

3. Trình Ban Thường vụ Thành ủy về nhân sự tại chỗ giới thiệu ứng cử các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy phường; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; xem xét, giới thiệu nhân sự đề nghị bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phường, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường.

4. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương, Thành ủy, thảo luận, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường; điều chỉnh cơ cấu Ban Chấp hành Đảng bộ phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường ngoài cơ cấu cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy được xác định theo quy định của Trung ương và Ban Thường vụ Thành ủy. Bầu Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy phường, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường.

5. Xem xét, giới thiệu và đề nghị chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phường, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường.

6. Giới thiệu nhân sự ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường để Hội đồng nhân dân phường bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; tham gia ý kiến về nhân sự Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trước khi Ban Thường vụ Đảng ủy phường quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân phường bầu.

7. Thực hiện tự phê bình và phê bình, chất vấn và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định.

8. Lãnh đạo công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường và bầu cử đại biểu Quốc hội tại phường.

9. Ủy quyền cho Ban Thường vụ Đảng ủy phường quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ tại phường.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Đảng ủy phường

1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phường.

2. Quyết định phân cấp quản lý cán bộ đối với cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường, phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý biên chế, cán bộ của các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thuộc hệ thống chính trị phường theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và Thành ủy.

4. Trên cơ sở đề nghị của đồng chí Bí thư Đảng ủy phường và Thường trực Đảng ủy phường, thảo luận và quyết định:

4.1. Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và thống nhất quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

4.2. Quyết định nhận xét, đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công công tác; đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh:

a) Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

b) Cấp trưởng, cấp phó của các phòng, ban, cơ quan tham mưu, giúp việc; đơn vị sự nghiệp trực thuộc đảng ủy phường, Ủy ban nhân dân phường; Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và các chức danh tương đương trong hệ thống chính trị phường.

c) Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy, chi bộ; Ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc theo phân cấp quản lý cán bộ.

4.3. Trình Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Cho chủ trương trước khi trình Ban Chấp hành Đảng bộ phường điều chỉnh cơ cấu Ban Chấp hành Đảng bộ phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường ngoài cơ cấu được xác định theo quy định của Trung ương và Ban Thường vụ Thành ủy.

4.4. Cho ý kiến trước khi trình thành phố và trung ương giải quyết đề nghị: Khen thưởng cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; khen thưởng cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý và các tập thể, cá nhân đối với các hình thức: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập (các hạng), Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước.

5. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định, thẩm tra, xác minh, kết luận và bố trí cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý có vấn đề về chính trị cần xem xét và một số vấn đề khác (tuổi, bằng cấp, học hàm, học vị, tài sản, thu nhập cá nhân...) theo quy định.

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ theo quy định của Trung ương, thành phố. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác tại địa phương không có vấn đề về tiêu chuẩn chính trị (*không bao gồm nhân sự được giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố*) và cán bộ được phân cấp quản lý.

6. Chuẩn bị nhân sự để Ban Chấp hành Đảng bộ phường xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy phường, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường. Báo cáo, xin ý kiến Thường trực Thành ủy về dự kiến nhân sự kiện toàn Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

- Chuẩn bị nhân sự để Ban Chấp hành Đảng bộ phường xem xét, đề nghị Thường trực Thành ủy chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phường.

7. Cho ý kiến về số lượng, cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân phường và giới thiệu cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý, cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác tại phường ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân phường bầu các

chức danh: Trưởng, Phó các ban của Hội đồng nhân dân phường và Ủy viên Ủy ban nhân dân phường.

8. Cho ý kiến phê duyệt phương án nhân sự và chỉ đạo việc tổ chức đại hội các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng ủy phường; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường.

9. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các cấp ủy và tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng ủy phường.

10. Tham gia ý kiến với cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan thành phố về quy hoạch, nhận xét đánh giá, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo là cấp trưởng của tổ chức theo ngành dọc và sinh hoạt đảng tại đảng bộ phường.

11. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Gợi ý kiểm điểm và chỉ đạo việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị theo phân cấp quản lý cán bộ.

12. Đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về quy hoạch, bố trí, phân công công tác, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ công tác tại phường thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy.

13. Căn cứ vào biên chế đã được phân bổ, Ban Thường vụ Đảng ủy phường, Ủy ban nhân dân cấp phường được quyền tiếp nhận, điều động đối với cán bộ, công chức các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường trong phạm vi địa phương trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn chức danh, chức vụ, yêu cầu vị trí việc làm theo quy định (*không phải xin ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Thành ủy*). Trường hợp tiếp nhận vào làm công chức thuộc đối tượng không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch hoặc tiếp nhận công chức từ nơi khác về công tác tại cơ quan thuộc đảng ủy, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường phải báo cáo, xin ý kiến (thẩm định) và được Ban Tổ chức Thành ủy đồng ý. Trường hợp tiếp nhận vào làm công chức thuộc đối tượng không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch hoặc tiếp nhận công chức từ nơi khác về công tác tại cơ quan chính quyền phường phải báo cáo, xin ý kiến (thẩm định) và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý (*hoặc cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp, uỷ quyền đồng ý*).

14. Chỉ đạo công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập cá nhân theo quy định của Đảng và Nhà nước.

15. Xét, quyết định kết nạp đảng viên; quyết định công nhận đảng viên chính thức; cho đảng viên không đủ điều kiện, tiêu chuẩn ra khỏi Đảng.

16. Xét, quyết định công nhận kết quả đánh giá xếp loại chất lượng tổ chức đảng trực thuộc; tập thể, cá nhân lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý; cho ý kiến về đánh giá chất lượng đảng viên trong toàn Đảng bộ phường.

17. Định kỳ báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ phường về công tác cán bộ theo Quy chế làm việc của Đảng ủy phường.

Điều 9: Ban Thường vụ Đảng ủy phường ủy quyền Thường trực Đảng ủy phường; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy phường thực hiện một số nội dung công tác sau

1. Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Thành ủy và của Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường về cán bộ và công tác cán bộ.

2. Quyết định, thẩm tra, xác minh cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý khi có vấn đề cần xem xét về tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Chính trị và một số vấn đề quan trọng khác về cán bộ (bằng cấp, học hàm, học vị, độ tuổi, tài sản, thu nhập...) để báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, kết luận.

- Ủy quyền cho đồng chí Bí thư Đảng ủy phường: Kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý không có vấn đề phải xem xét về lịch sử chính trị.

3. Quản lý chung về cơ cấu, số lượng, chất lượng, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện chính sách đối với đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý.

4. Thực hiện các nội dung quản lý cán bộ thuộc danh mục chức danh được Ban Thường vụ Đảng ủy phường ủy quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

5. Cho chủ trương thực hiện quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ, cách chức, nghỉ hưu trước tuổi, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh thuộc diện Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý trước khi trình Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường cho ý kiến theo phân cấp.

6. Cho ý kiến trước khi trình các cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý, các tập thể trên địa bàn phường với các hình thức khen thưởng: Huân chương Lao động (các hạng); các danh hiệu: Nhà giáo Nhân dân, Thầy thuốc Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Nhân

dân, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân; bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; các danh hiệu đề nghị thành phố ra quyết định khen thưởng, đề nghị Thành ủy tặng Bức trướng. Cho ý kiến hiệp ý theo đề nghị của các cơ quan Trung ương, thành phố về việc khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phối hợp quản lý. Quyết định tặng Bức trướng của Đảng ủy phường.

- Ủy quyền cho đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường: quyết định hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền đối với các tập thể và cá nhân theo quy định.

7. Cho chủ trương, giải pháp về xây dựng và quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị phường.

8. Chuẩn y kết quả bầu cử hoặc chỉ định bổ sung đối với các chức danh: Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra các đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc Đảng ủy phường theo quy định.

9. Tham gia ý kiến với cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan thành phố về quy hoạch, nhận xét, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ là cấp phó các cơ quan thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương theo quy định.

10. Định hướng nhân sự đại hội các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng ủy phường, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội được nhà nước giao nhiệm vụ.

11. Đề nghị Thành ủy nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên cho cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

- Quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với cán bộ (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) giữ ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương đang công tác tại phường; Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, đối với cán bộ (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) giữ ngạch chuyên viên và thực hiện chính sách tiền lương theo quy định của pháp luật đến ngạch chuyên viên đối với cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của địa phương; đề nghị bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức được tuyển dụng.

a) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường quyết định thực hiện chính sách tiền lương theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan Đảng, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường; xét và cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan Đảng, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường dự thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ.

b) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định thực hiện chính sách tiền lương theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối chính quyền (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường) và các đơn vị sự nghiệp công lập của phường; cử cán bộ, công chức khối các cơ quan khối chính quyền (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường) và các đơn vị sự nghiệp công lập của phường dự thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ.

12. Quyết định về việc đi công tác, đi việc riêng và nghỉ phép đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý.

- Cấp ủy, cơ quan, đơn vị khi tổ chức đoàn công tác từ 03 người trở lên (không bao gồm lái xe) đi công tác trong nước, ngoài thành phố, đi nước ngoài từ 03 ngày làm việc trở lên phải báo cáo (bằng văn bản) cấp thẩm quyền quản lý.

- Cán bộ đi công tác từ 03 ngày làm việc trở lên, đi việc riêng trong ngày làm việc trong nước, ngoài thành phố, nghỉ phép, đi nước ngoài phải báo cáo (bằng văn bản) với cấp có thẩm quyền quản lý (trừ trường hợp đi công tác trong nước, ngoài thành phố theo Giấy triệu tập, Giấy mời của cơ quan Trung ương, Thành phố, cơ quan ngành dọc cấp trên và Giấy mời của các địa phương, cơ quan, đơn vị ngoài thành phố nhưng phải báo cáo cho người có thẩm quyền theo phân cấp).

- Người đứng đầu khi đi công tác, đi việc riêng, nghỉ phép phải phân công cán bộ điều hành, giải quyết công việc của cấp ủy, cơ quan, đơn vị mình. Trường hợp đột xuất, phải báo cáo trực tiếp hoặc bằng điện thoại và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

a) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường cho ý kiến đối với đoàn công tác có người đứng đầu tham gia và đề nghị của cá nhân: đồng chí Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường, đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường (*Trường hợp đồng chí Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường đi công tác, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài, đi việc riêng ở nước ngoài thực hiện theo quy định của thành phố*).

b) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường cho ý kiến đối với đoàn công tác có người đứng đầu tham gia và đề nghị của cá nhân: đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường (trừ trường hợp đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường), Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phường và các chức danh còn lại diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý đang công tác ở khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường.

c) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường cho ý kiến đối với đoàn công tác có người đứng đầu tham gia và đề nghị của cá nhân: đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Ủy viên Ban Chấp hành

Đảng bộ phường và các chức danh diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý công tác ở các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, các trường học thuộc Ủy ban nhân dân phường.

d) Ủy quyền đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường cho ý kiến đối với đoàn công tác có người đứng đầu tham gia và cá nhân là trưởng, phó ban chuyên trách các ban Hội đồng nhân dân phường (trừ trường hợp Trưởng ban Hội đồng nhân dân phường là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường kiêm nhiệm).

- Đối với Bí thư, Phó Bí thư chi, đảng bộ các đơn vị phối quản trực thuộc ngành dọc cấp trên thực hiện theo quy định của ngành nhưng phải báo cáo Thường trực Đảng ủy phường.

- Về việc đi công tác, đi việc riêng trong nước, ngoài thành phố; đi công tác, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài, đi việc riêng ở nước ngoài, nghỉ phép đối với đồng chí Bí thư Đảng ủy phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo Quy định của thành phố.

* Khi thực hiện nội dung ủy quyền quyết định về việc đi việc riêng, đi công tác, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài, đồng thời gửi đến Ban Xây dựng Đảng để theo dõi.

13. Chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe và chính sách cán bộ; tổ chức tang lễ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý theo chế độ, chính sách quy định và cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy nghỉ hưu trên địa bàn theo ủy nhiệm của Thành ủy.

14. Chỉ đạo, chuẩn bị và tổ chức thực hiện việc chất vấn, lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm; việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định. Gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và cá nhân cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý khi thấy cần thiết.

16. Cho ý kiến về việc giao cấp phó là cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý chịu trách nhiệm phụ trách, điều hành công việc của cấp ủy, cơ quan, đơn vị khi khuyết cấp trưởng.

Giới thiệu cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường quản lý tham gia làm lãnh đạo (cấp trưởng, cấp phó) các hội được nhà nước giao nhiệm vụ.

17. Quyết định về việc cử cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng ở trong nước, ngoài nước theo phân cấp

18. Cho ý kiến về việc chuyển công tác đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý.

Xét, đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy công nhận và thực hiện chính sách đối với cán bộ hoạt động trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945 theo quy định hiện hành.

19. Thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đã nghỉ hưu hoặc thôi giữ chức vụ hiện đang cư trú trên địa bàn phường theo sự ủy nhiệm của Thành ủy.

20. Thay mặt Ban Thường vụ Đảng ủy phường giải quyết công việc về công tác cán bộ theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ phường và những công việc được Ban Thường vụ Đảng ủy phường ủy quyền. Chuẩn bị báo cáo những vấn đề về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường. Đối với một số trường hợp do yêu cầu về công tác cán bộ phải giải quyết ngay thì được quyết định và phải báo cáo với Ban Thường vụ Đảng ủy phường tại hội nghị gần nhất.

21. Quá trình thực hiện các nội dung theo ủy quyền trên nếu có vướng mắc hoặc không thống nhất thì tập thể, cá nhân được ủy quyền phải báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, quyết định.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng ủy phường

1. Thực hiện theo Quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của chi bộ, đảng bộ cơ sở theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng; chịu trách nhiệm thực hiện quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy định của Trung ương, Thành ủy, Đảng ủy về cán bộ và công tác cán bộ tại cơ quan, đơn vị.

2. Báo cáo, trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy cho ý kiến về giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh (kể cả bổ sung) Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành (đối với Đảng bộ); Bí thư, Phó Bí thư, chi ủy viên (đối với Chi bộ cơ sở và Chi bộ Tổ dân phố); các chức danh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý (diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý) thuộc các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, trường học thuộc phường. Quyết định quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương, Thành ủy, Đảng ủy, thảo luận, quyết định cơ cấu, số lượng Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, trình Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, phê duyệt; điều chỉnh cơ cấu Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy ngoài cơ cấu cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy được xác định theo quy định của Trung ương, Thành ủy, Đảng ủy. Chuẩn bị nhân sự nhiệm kỳ mới.

Bầu Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy (đối với Đảng bộ).

4. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ (đối với các Đảng bộ); quyết định phân công công tác đối với cấp ủy Chi bộ (đối với các chi bộ).

5. Đảng ủy (nơi có Ban Thường vụ thì Đảng ủy ủy quyền cho Ban Thường vụ Đảng ủy); chi ủy (nơi không có chi ủy thì đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ):

- Bố trí, phân công công tác, giới thiệu ứng cử, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ theo thẩm quyền đã được phân cấp.

- Phối hợp thẩm tra, kết luận cán bộ đảng viên (cần xem xét) có vấn đề về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay và quyết định kiểm tra, giám sát cán bộ, công tác cán bộ theo phân cấp.

6. Đề nghị chỉ định bổ sung hoặc chuẩn y đối với các chức danh: cấp ủy viên, Bí thư, Phó Bí thư (đối với các Chi bộ); Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm/Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy (đối với các Đảng bộ).

Điều 11. Thường trực Hội đồng nhân dân phường, tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy phường về việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Đề xuất, kiến nghị với Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường về bố trí, phân công công tác, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu ứng cử, tái cử, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách cán bộ đối với các chức danh cán bộ trong bộ máy chính quyền, đơn vị sự nghiệp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường.

3. Thực hiện các nội dung về quản lý cán bộ được phân cấp quản lý.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Xây dựng Đảng

1. Là cơ quan tham mưu của Đảng ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường về chủ trương, chính sách cán bộ và công tác cán bộ; hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết,

chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Đảng ủy phường về cán bộ và công tác cán bộ. Là cơ quan thường trực về công tác thi đua, khen thưởng của Đảng ủy phường. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy phường.

2. Tổng hợp, theo dõi đội ngũ cán bộ chủ chốt diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý; phối hợp với các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị của Đảng ủy phường giúp Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường quản lý, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng các chức danh thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường và cán bộ thuộc diện quy hoạch để đảm nhiệm các chức danh này.

3. Trình Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường các vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ theo phân cấp quản lý; Trình Thường trực Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường về chủ trương kiện toàn cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý.

Thẩm định đề nghị của cấp ủy cơ sở, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc về nhận xét, đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, giới thiệu cán bộ ứng cử và thực hiện chính sách cán bộ, cử cán bộ đi học tập, đi công tác, đi việc riêng ở nước ngoài; chuẩn bị các văn bản, quyết định để trình Thường trực Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường ban hành theo phân cấp.

4. Xây dựng và hướng dẫn các cấp ủy cơ sở, các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Trung ương, Thành ủy, Đảng ủy phường.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy phường và các cơ quan liên quan thẩm định nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường; tùy theo chức danh cán bộ, gửi văn bản xin ý kiến Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan; tổng hợp, trình Thường trực Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, quyết định.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy phường theo dõi, kiểm tra, tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm một số chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ.

7. Thẩm định, trình Thường trực Đảng ủy phường phê duyệt đề án vị trí việc

làm, khung danh mục vị trí việc làm các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường.

8. Tổng hợp danh sách cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý, cán bộ, công chức, viên chức khối các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, cử dự thi công chức, thi nâng ngạch lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương, xét thăng hạng viên chức (nếu có) báo cáo Thường trực Đảng ủy phường xem xét, quyết định.

9. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy. Quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, đảng viên; quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ trong cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường. Hướng dẫn, kiểm tra, thẩm tra, xác minh về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý theo quy định.

10. Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ và quản lý cán bộ định kỳ hoặc đột xuất đối với các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của phường.

- Trình Thường trực Đảng ủy phường chuẩn y kết quả bầu cử Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra cấp ủy trực thuộc Đảng ủy phường.

11. Phối hợp Văn phòng Đảng ủy phường và các cơ quan liên quan triển khai các quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy phường đối với cán bộ khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường.

12. Thực hiện một số nội dung được Thường trực Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường ủy quyền:

- Triển khai ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường về công tác cán bộ theo quy định; chuẩn bị các văn bản hiệp y của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường với các cơ quan thành phố về công tác cán bộ thuộc cơ quan phối quản trên địa bàn phường.

- Thông báo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy phường đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường quản lý cho ý kiến đi việc riêng, đi công tác, học tập, ở trong nước và nước ngoài, nghỉ phép đối với các chức danh được quy định tại điểm a, b, khoản 11, 12 Điều 8 Quy định này.

- Tổng hợp, nắm tình hình cán bộ, đảng viên cơ sở đi du lịch, thăm thân ở nước ngoài theo Quy định số 367-QĐ/TW, ngày 04/9/2025 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

- Tham mưu, quản lý biên chế cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường. Tham mưu, tổng hợp, đề xuất tuyển dụng cán bộ, công chức thuộc khối cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường theo biên chế được giao. Thông báo nghỉ hưu đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý thuộc các Cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường.

- Tham mưu ban hành báo cáo thẩm định tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý đối với các trường hợp không có vấn đề về chính trị.

- Thẩm định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, chuyển ngạch đối với cán bộ cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường theo phân cấp.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường cho ý kiến về quy hoạch, kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại và thông báo kết quả quy hoạch, đánh giá, xếp loại cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý.

- Giải quyết một số chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ theo ủy quyền của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường.

- Ban Thường vụ Đảng ủy phường ủy quyền cho đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Trưởng ban Xây dựng Đảng:

Ký văn bản liên quan tới công tác chuyên sinh hoạt đảng và xác nhận các văn bản liên quan tới thực hiện Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú.

Thay mặt Ban Thường vụ Đảng ủy phường ký xác nhận đánh giá xếp loại chất lượng đối với: cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý (trừ các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường) và đảng viên tại các chi bộ trực thuộc Đảng ủy phường.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra; Văn phòng Đảng ủy phường, Trung tâm Chính trị phường

1. Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng đảng ủy kiến nghị, đề xuất với Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường bố trí, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, cách chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc thẩm quyền trực tiếp quyết định của Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường, trong lĩnh vực công tác liên quan; kiểm tra, giám sát, kiến nghị Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy phường xem xét những quyết định không đúng quan điểm, đường lối, chính sách, quy định đối với cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp cơ sở.

2. Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng theo dõi, kiểm tra, giám sát và tham gia thẩm định nhân sự đề cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử đối với các chức danh diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Xử lý, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý; trình Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường về kỷ luật cán bộ theo quy định.

4. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường phối hợp với Ban Xây dựng Đảng chuẩn bị nhân sự Ủy ban Kiểm tra cấp mình và phối hợp với cấp ủy cấp dưới chuẩn bị nhân sự Ủy ban Kiểm tra cấp dưới (bao gồm cả nhân sự dự kiến chỉ định); giúp cấp ủy xây dựng, ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra; tham mưu kiện toàn cơ quan Ủy ban Kiểm tra về tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra; tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện luân chuyển cán bộ kiểm tra và bố trí công tác đối với cán bộ sau luân chuyển.

5. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường tiếp nhận, quản lý, kiểm soát bản kê khai tài sản, thu nhập; xác minh tài sản, thu nhập của cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý theo quy định.

6. Trên cơ sở đề nghị của cấp ủy trực thuộc Đảng ủy phường, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường chủ trì, phối hợp Ban Xây dựng Đảng trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy cho chủ trương, kiện toàn nhân sự Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.

Điều 14. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu

1. Nội dung quản lý

Cán bộ khi còn đang công tác thuộc diện Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy phường, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND phường; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường và cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý khi thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (trừ trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý) về những vấn đề sau:

- Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; thành viên lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; người đứng đầu hội và các tổ chức (không bao gồm trưởng ban vận động thành lập hội, tổ chức); làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài; làm chủ tịch hội đồng thành

viên (hội đồng quản trị), giám đốc (tổng giám đốc) doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

- Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

- Đi nước ngoài, tiếp khách quốc tế; trả lời phỏng vấn, nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế trao tặng.

2. Phân cấp quản lý

2.1. Ban Thường vụ Đảng ủy phường báo cáo, đề nghị Thường trực Thành ủy cho ý kiến đối với chức danh nguyên Ủy viên Thành ủy.

2.2. Ban Thường vụ Đảng ủy phường cho ý kiến đối với các chức danh sau: Nguyên Bí thư Đảng ủy phường (không là Ủy viên Thành ủy); nguyên Phó Bí thư Đảng ủy phường; nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường; nguyên Chủ tịch Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

2.3. Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường cho ý kiến đối với các chức danh: nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường, nguyên Ủy viên Đảng ủy phường; nguyên cấp trưởng, cấp phó các ban cơ quan Đảng ủy phường, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường; nguyên bí thư, Phó Bí thư đảng ủy, nguyên chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

2.4. Ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân phường cho ý kiến đối với các chức danh: nguyên trưởng, phó ban chuyên trách các ban Hội đồng nhân dân phường; nguyên chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường (trừ các đồng chí là bí thư đảng ủy kiêm chủ tịch hội đồng nhân dân phường).

2.5. Ủy quyền cho đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường cho ý kiến đối với các chức danh: Nguyên cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, các trường học trực thuộc Ủy ban nhân dân phường.

* Đối với các đồng chí nguyên cán bộ lãnh đạo của Thị xã Đô Sơn, Quận Đô Sơn cư trú trên địa bàn phường áp dụng tương tự nội dung trên.

Điều 15. Quy trình, thủ tục nghỉ hưu đúng tuổi đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý

1. Ban hành thông báo nghỉ hưu

Trước 6 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cấp ủy, cơ quan, đơn vị được phân cấp dưới đây phải ban hành thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu để cơ quan, đơn vị liên quan và cán bộ, công chức, viên chức biết và gặp mặt cán bộ nghỉ hưu để sắp xếp, giải quyết công việc liên quan (nếu có).

1.1. Ban Thường vụ Đảng ủy phường ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các

đồng chí: Phó Bí thư Đảng ủy phường, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (các đồng chí Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch ủy ban nhân dân phường thực hiện theo Quy định của Ban Thường vụ Thành ủy).

1.2. Thường trực Đảng ủy phường ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý đang công tác ở khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường.

1.3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: trưởng, phó ban chuyên trách các ban Hội đồng nhân dân phường (trừ trường hợp Trưởng ban Hội đồng nhân dân phường là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường kiêm nhiệm); đồng thời báo cáo Thường trực Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường.

1.4. Ủy ban nhân dân phường ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý đang công tác ở các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, các trường học trực thuộc Ủy ban nhân dân phường; đồng thời báo cáo Thường trực Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường.

2. Ban hành quyết định nghỉ hưu

Trước 3 tháng đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cấp ủy, cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức theo phân cấp quản lý ban hành quyết định về việc nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức theo đúng quy định.

2.1. Đối với Thường trực Đảng ủy phường: Thường trực Thành ủy ban hành quyết định nghỉ hưu theo quy định phân cấp quản lý cán bộ.

2.2. Ban Thường vụ Đảng ủy phường ban hành quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý đang công tác ở khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường.

2.3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường ban hành quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: trưởng, phó ban chuyên trách các ban Hội đồng nhân dân phường (trừ trường hợp Trưởng ban Hội đồng nhân dân phường là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường kiêm nhiệm).

2.4. Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý công tác ở các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, các trường học trực thuộc Ủy ban nhân dân phường.

3. Trao quyết định nghỉ hưu

Trước thời điểm nghỉ hưu của cán bộ cấp ủy, cơ quan, đơn vị tổ chức gặp mặt

và trao quyết định nghỉ hưu đối với cán bộ.

3.1. Ban Thường vụ Đảng ủy phường gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Phó Bí thư Đảng ủy phường; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường.

3.2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: trưởng, phó ban chuyên trách các ban Hội đồng nhân dân phường (trừ các đồng chí cán bộ là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường kiêm nhiệm).

3.3. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý công tác ở các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, các trường học trực thuộc Ủy ban nhân dân phường.

3.4. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường phụ trách khối cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp trưởng, cấp phó khối cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường.

4. Đối với việc ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy phường và văn bản phê duyệt đối tượng nghỉ hưu trước tuổi của Thường trực Thành ủy về việc nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ, công chức, viên chức ở các Cơ quan Đảng, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường và của Ủy ban nhân dân thành phố đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính nhà nước (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân) và các đơn vị sự nghiệp công lập của phường, thẩm quyền ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi:

4.1. Ban Thường vụ Đảng ủy phường ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi đối với các chức danh diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý và công chức, viên chức công tác các Cơ quan Đảng, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường.

4.2. Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý và công chức, viên chức công tác ở cơ quan hành chính nhà nước (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân) và các đơn vị sự nghiệp công lập của phường; lãnh đạo các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Chương III

QUY HOẠCH CÁN BỘ

Điều 16. Nguyên tắc quy hoạch

1. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hoà, hợp lý, liên thông các khâu trong công tác cán bộ; gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và bố trí, sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đầu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ phù hợp với lĩnh vực công tác.

2. Quy hoạch cấp uỷ các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp uỷ làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên.

3. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba (03) cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 17. Mục đích, yêu cầu quy hoạch

1. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

3. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

4. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

5. Việc quy hoạch đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm:

5.1. Có thể xem xét quy hoạch chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

a) Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật (do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm

người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp uỷ có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra).

b) Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

c) Bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã hết thời hạn kỷ luật.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (khách quan, chủ quan) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (nếu có),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình quy hoạch theo quy định.

5.2. Tạm thời chưa xem xét quy hoạch đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5.3. Không quy hoạch đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), khiếu nại kỷ luật, bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị xem xét, xử lý kỷ luật; cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật; cán bộ bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm về: Quan điểm chính trị, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Điều 18. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch

Các chức danh cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị phường, bao gồm:

1.1. Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác tại phường (Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường).

1.2. Các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý.

1.3. Các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 02 đối tượng, cụ thể:

2.1. Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh diện Thành ủy quản lý thực hiện theo Phụ lục 2, Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 30/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy.

2.2. Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý thực hiện theo Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

2.3. Đối tượng 1 và đối tượng 2 của các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ Phụ lục 2 kèm theo Quy định này để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch: Quy hoạch cho 01 nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch: Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được chỉ định, bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 19. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Đảng ủy phường phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, của thành phố và của Ban Thường vụ Đảng ủy về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định

đôi tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

1.2. Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá đối với cán bộ được giới thiệu quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

1.3. Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Xây dựng Đảng:

2.1. Tham mưu chủ trương, quy định về công tác quy hoạch cán bộ; giúp Ban Thường vụ Đảng ủy phường, Thường trực Đảng ủy phường về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

2.2. Trình Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ. Thông báo kết quả quy hoạch cán bộ của các cấp ủy, cơ quan, đơn vị được Ban Thường vụ Đảng ủy phường phê duyệt.

2.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định đối với nhân sự quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý.

3. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy phường và cơ quan liên quan

3.1. Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

3.2. Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thường trực Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường.

Điều 21. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 01 đến 02 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp.

Điều 22. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi quy hoạch

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

- Về trình độ chính trị: Cán bộ quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý và quy hoạch các chức danh diện cấp uỷ, cơ quan, đơn vị quản lý: Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm; đối tượng 2 có thể chưa bảo đảm tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch, trong thời hạn 24 tháng phải được cử đi đào tạo để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị. Nếu quá thời hạn 24 tháng, kể từ ngày quyết định phê duyệt quy hoạch của cấp có thẩm quyền ban hành, nhưng chưa được cử đi học, thì xem xét đưa ra khỏi quy hoạch.

Ngoài tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, tại thời điểm xem xét, phê duyệt quy hoạch, cán bộ được bổ sung quy hoạch chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh quy hoạch. Các trường hợp đặc biệt khác, do Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, quyết định.

2. Về độ tuổi quy hoạch

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch

3.1. Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp uỷ, lãnh đạo cấp uỷ, các ban, cơ quan của Đảng, uỷ ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

3.2. Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (Ban Xây dựng Đảng) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 23. Hệ số, số lượng và cơ cấu quy hoạch

1. Về hệ số, số lượng

1.1. Hệ số quy hoạch cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

1.2. Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Mỗi chức danh quy hoạch không quá ba cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá ba (03) chức danh ở cùng cấp.

2. Về cơ cấu: Phân đấu cơ cấu, tỉ lệ quy hoạch cấp uỷ và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (dưới 42 tuổi) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5 - 10%; đối với Đảng uỷ phường phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý.

Điều 24. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch

Gồm 02 quy trình: (1) Quy hoạch cán bộ đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đối với nguồn nhân sự từ nơi khác.

1.1. Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Thành uỷ quản lý: Thực hiện theo Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 30/12/2025 của Ban Thường vụ Thành uỷ.

1.2. Đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng uỷ phường quản lý: Thực hiện theo Phụ lục 3 kèm theo Quy định này.

2. Hồ sơ nhân sự quy hoạch: Thực hiện theo Phụ lục 6 kèm theo Quy định này.

Điều 25. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch

Căn cứ kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, Ban Xây dựng Đảng, các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

2.1. Chậm nhất sau 30 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt quy hoạch; Ban Xây dựng Đảng có trách nhiệm tham mưu báo cáo Ban Thường vụ Thành uỷ (qua Ban Tổ chức Thành uỷ, kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch) đối với các chức danh uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ, phó chủ tịch

Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường để quản lý theo quy định.

2.2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị tại phường.

2.3. Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 26. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ đã được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch; quá tuổi bổ nhiệm; bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc được cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm chức vụ; đã từ trần hoặc nghỉ công tác thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch (*cơ quan tham mưu tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định đưa ra khỏi quy hoạch mà không phải lấy phiếu biểu quyết*).

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp trong quy hoạch

Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc diện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền: (i) Số lượng quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn theo quy định, nhưng không vượt quá số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm hợp nhất, sáp nhập; chậm nhất sau 05 năm (tính từ thời điểm quyết định hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực) số lượng quy hoạch sẽ thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. (ii) Các chức danh lãnh đạo, quản lý được phê duyệt quy hoạch trước khi hợp nhất, sáp nhập, nếu còn hiệu lực và thời hạn quy hoạch theo quy định thì vẫn được xem xét để bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh quy hoạch hoặc chức danh tương đương theo quy định.

CHƯƠNG IV

BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Điều 28. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Không xem xét bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử khi chưa có kết luận

về chính trị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa, phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

4. Kể từ khi khuyết người đứng đầu hoặc người đứng đầu có thông báo nghỉ hưu, nghỉ chờ hưu, có chủ trương chuyển công tác của cấp có thẩm quyền, cấp ủy, địa phương, cơ quan, đơn vị phải báo cáo bằng văn bản và phải được cấp trên trực tiếp đồng ý trước khi thực hiện quy trình công tác cán bộ theo thẩm quyền được phân cấp.

Điều 29. Về bổ nhiệm, bố trí, sử dụng đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm

1. Có thể xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

1.1. Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật (*do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra*).

1.2. Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

1.3. Cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức: Khiển trách (sau 24 tháng); cảnh cáo không thuộc trường hợp bị miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ (sau 36 tháng); cách chức (sau 60 tháng), tính từ thời điểm quyết định kỷ luật của cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực; nếu nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc kiểm điểm, khắc phục các vi phạm, khuyết điểm (nếu có) theo yêu cầu tại kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng; đồng thời, được các cấp ủy trực tiếp quản lý cán bộ đánh giá là có phẩm chất, năng lực và có khả năng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao thì cấp có thẩm quyền có thể xem xét, bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Không xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng được xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với trường hợp cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo nay đã hết thời hạn kỷ luật nhưng chưa đủ thời gian theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

3. Không bỏ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng có thể xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng từng trường hợp để bỏ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với: Cán bộ hiện đang trong thời gian thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách (trừ các trường hợp vi phạm về quan điểm chính trị; vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội).

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (khách quan, chủ quan) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (nếu có),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình bỏ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử theo quy định.

4. Tạm thời chưa xem xét, bỏ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5. Không bỏ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, phong, thăng quân hàm đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), khiếu nại kỷ luật, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, bị xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, kiểm toán, bị điều tra.

Điều 30. Trách nhiệm và thẩm quyền bỏ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ. Trường hợp cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị bỏ nhiệm, giới thiệu cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý giữ chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc cấp mình quản lý thì phải xin chủ trương của Thường trực Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường.

3. Cá nhân, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình, cụ thể:

- Cá nhân, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu điểm, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập ... và ý kiến đề xuất của mình.

- Cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ và các cơ quan liên quan: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, đề xuất nhân sự theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 31. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 01 năm (12 tháng); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ hoặc giữ chức vụ tương đương thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh; được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm gần nhất.

5. Độ tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý (cao hơn) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn 01 nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Tuổi của cán bộ tính theo giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực); nếu không có giấy khai sinh thì tính theo lý lịch đảng viên gốc có xác nhận của cấp ủy có thẩm quyền.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao (theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền).

Điều 31. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 5 năm (60 tháng) đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.
2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng (nếu có).
3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử căn cứ nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đó.
4. Thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp và được thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan.

Điều 32. Thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý

1. Đối với việc kiện toàn các chức danh: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và cán bộ chủ chốt phường.

Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, thực hiện các công việc sau:

1.1. Đối với việc kiện toàn Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy còn thiếu so với quy định thì Ban Thường vụ Đảng ủy chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Tổ chức Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy xem xét, quyết định.

1.2. Đối với việc kiện toàn các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường:

Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện các công việc sau:

a) Ban hành trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể đối với cán bộ đề nghị giới thiệu ứng cử (nếu có).

b) Sau khi có chủ trương đồng ý của cấp có thẩm quyền, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc, Đảng ủy thực hiện quy trình nhân sự theo quy định. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì Ban Thường vụ Đảng ủy có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến.

2. Đối với việc kiện toàn cán bộ của cấp ủy, tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị:

Căn cứ nhu cầu công tác, lãnh đạo các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc Đảng; Mặt trận Tổ quốc; các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy (sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo) thực hiện theo các bước sau:

2.1. Trình Thường trực Đảng ủy (bằng văn bản) về chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác đối với cán bộ đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Thường trực Đảng ủy xem xét, cho ý kiến và ủy nhiệm cho Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy thông báo chủ trương về công tác cán bộ.

2.2. Sau khi có chủ trương của Thường trực Đảng ủy, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện quy trình nhân sự trong thời gian không quá 15 ngày làm việc. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì các cấp ủy, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải trình lý do, báo cáo Thường trực Đảng ủy xem xét, cho ý kiến.

2.3. Đề xuất nhân sự cụ thể.

2.4. Thẩm định nhân sự:

a) Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị làm tờ trình, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử gửi Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy) để thẩm định nhân sự.

b) Không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo đúng quy định (Phụ lục 3), Ban Xây dựng Đảng gửi văn bản xin ý kiến thẩm định các cơ quan, đơn vị và cán nhân liên quan. Ban Xây dựng Đảng và các cơ quan liên quan thẩm định nhân sự theo chức năng, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định, đề xuất của mình.

c) Ban Xây dựng Đảng đảng ủy xin ý kiến thẩm định của các cơ quan, cá nhân liên quan (*đối với chức vụ dự kiến kiện toàn*):

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường: Đối với các chức danh lãnh đạo các phòng, đơn vị sự nghiệp, trường học và tương đương trực thuộc UBND phường theo quy định.

- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: Đối với tất cả nhân sự là Đảng viên thuộc Đảng bộ phường về kiểm tra dấu hiệu vi phạm, tình hình đơn thư, khiếu nại, tố cáo phải giải quyết, kỷ luật (nếu có) và việc kê khai tài sản, thu nhập và trách nhiệm của nhân sự liên quan đến kết luận kiểm tra.

- Đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy: Đối với chức danh cán bộ thuộc đơn vị được phân công phụ trách.

- Đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục - văn hóa - xã hội; các chức danh lãnh đạo Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường, Ban Xây dựng Đảng phường chủ động tham gia ý kiến.

* Việc thẩm định nhân sự đối với các trường hợp cán bộ đương chức diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý tham gia thành viên các tổ chức cấp Thành phố; tham gia các tiểu ban, ban chỉ đạo cấp thành phố và các tổ chức liên địa phương và theo yêu cầu nhiệm vụ: chỉ xin ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy (về tình hình đơn thư, khiếu nại, tố cáo và kỷ luật).

* Đối với các chức danh theo quy định phải xin ý kiến hiệp y của các cơ quan Thành phố: Thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định nhân sự phải có văn bản trả lời Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy. Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy để biết, theo dõi nhưng không quá 10 ngày làm việc.

đ) Không quá 10 ngày làm việc, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ nhân sự, tổng hợp đầy đủ các ý kiến về nhân sự và làm tờ trình báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy; báo cáo rõ về đề nghị bổ nhiệm, ý kiến thẩm định của các cơ quan và đề xuất của Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy.

2.5. Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định về nhân sự theo chương trình công tác của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy; thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban Tổ chức Đảng ủy (trong trường hợp không tổ chức họp Thường trực Đảng ủy, Ban Tổ chức Đảng ủy thì có thể xin ý kiến bằng văn bản để bảo đảm tiến độ theo quy trình).

2.6. Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy kết luận về bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, Ban Xây dựng Đảng phối hợp với Văn phòng Đảng ủy dự thảo quyết định bổ nhiệm để Thường trực Đảng ủy ký ban hành hoặc thông báo kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy đến các cơ quan liên quan để thực hiện việc bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử theo quy định. Trường hợp đặc biệt, phải báo cáo Thường trực Đảng ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

Điều 33. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Quy trình nhân sự gồm 4 bước; thành phần hội nghị ở mỗi bước quy định tại Phụ lục 2 của Quy định này.

1.1. Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

- Trên cơ sở chủ trương của cấp có thẩm quyền, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn cán bộ (gồm cán bộ trong quy hoạch và quy hoạch chức danh tương đương trở lên), người đứng đầu chủ trì cùng tập thể lãnh đạo thảo luận, rà soát, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình nhân sự; đồng thời, tiến hành rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng cán bộ trong quy hoạch, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

1.2. Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

- Trên cơ sở kết quả giới thiệu định hướng nhân sự ở bước 1, hội nghị thảo luận và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người nào đạt số phiếu 30% trở lên thì không thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

1.3. Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

- Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự (kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị).

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập có mặt thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt số phiếu trên 50% thì không thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

1.4. Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

- Trên cơ sở kết quả lấy phiếu ở các bước; ý kiến đánh giá, nhận xét của ban thường vụ đảng uỷ (đối với những nơi đảng uỷ không lãnh đạo toàn diện); kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu so với tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp 02 người có số phiếu ngang nhau đạt tỉ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn nhân sự đề trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

* **Lưu ý:** (i) Cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chịu trách nhiệm về đánh giá, nhận xét, đề xuất, lựa chọn, giới thiệu nhân sự. (ii) Hội nghị ở các bước chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt và phiếu giới thiệu ở các bước có thể ký tên hoặc không ký tên; kết quả kiểm phiếu công bố tại hội nghị (trừ bước 3). (iii) Trường hợp kiện toàn nhân sự từ 02 người trở lên thì cũng thực hiện theo nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn nhân sự như ở các bước nêu trên.

2. Quy trình điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác

2.1. Trường hợp nhân sự do Thường trực Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ phường dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ở nơi khác thì Ban Xây dựng đảng tiến hành các công việc sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (bằng văn bản) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Trường hợp nhân sự do cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì thực hiện quy trình tương tự như quy trình điều động cán bộ nêu tại Khoản 1, Điều 42 về điều động cán bộ của Quy định này.

3. Trường hợp cán bộ được phân công, bổ nhiệm, chỉ định, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ thấp hơn hoặc kiêm nhiệm chức vụ thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm, thì tập thể lãnh đạo, cấp uỷ, cơ quan, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện xem xét, quyết định theo thẩm quyền phân cấp quản lý cán bộ và không phải thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự.

4. Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đảm nhiệm trước khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì tập thể lãnh đạo có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực,

uy tín của cán bộ đề thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp bổ sung cấp ủy: Đối với chức danh có cơ cấu tham gia cấp ủy thì khi đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, đồng thời đề xuất chỉ định cấp ủy đảng theo quy định.

Điều 34. Bổ sung các chức danh lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy phường

Khi cần bổ sung Ủy viên ban chấp hành, Ủy viên ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Đảng ủy phường (không thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý) còn thiếu so với số lượng, cơ cấu mà đại hội quyết định hoặc trong khung số lượng do Trung ương hoặc Ban Thường vụ Thành ủy quy định thì cấp ủy trực thuộc Đảng ủy phường chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, quyết định mà không phải xin chủ trương.

Đối với nhân sự đã được đại hội, hội nghị cấp ủy giới thiệu vào danh sách bầu cử cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội ít nhất 12 tháng.

Điều 35. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy trực thuộc.

Các cấp ủy trực thuộc Đảng ủy, lãnh đạo các ban, phòng, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc phường thực hiện trình tự, thủ tục bổ nhiệm theo Điều 33, Điều 34 và Phụ lục 4 Quy định này.

Điều 36. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý đối với các cơ quan, đơn vị được tổ chức ngành dọc tại phường

1. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc thực hiện công tác hiệp y nhân sự với Đảng ủy phường trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị không tổ chức theo ngành dọc tại phường thì không thực hiện công tác hiệp y nhân sự đối với các chức danh (không quản lý trực tiếp) thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy phường theo quy định.

Chương V

BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ

Điều 37. Nguyên tắc, điều kiện bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ khi hết thời hạn bổ nhiệm, hết nhiệm kỳ được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ; đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Đủ sức khoẻ để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

3. Cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật trong nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn giữ chức vụ; có thông tin về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đang, sẽ điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền thì việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 29.

4. Chậm nhất 90 ngày làm việc trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền phải thông báo để cán bộ chuẩn bị thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

5. Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: Sức khoẻ không bảo đảm; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước,... thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

6. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử được tiến hành theo quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 38. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, kéo dài thời gian giữ chức vụ.

2. Những trường hợp cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý xét thấy không đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại phải báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, quyết định.

Ban Xây dựng Đảng và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy phường tham mưu, kịp thời phát hiện và đề xuất với Ban Thường vụ Đảng ủy phường các trường hợp cần thay thế, miễn nhiệm và các trường hợp không đủ điều kiện để bổ nhiệm lại.

3. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định không còn đủ thời gian công tác 05 năm, thực hiện như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn từ 02 năm công tác trở lên thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

- Trường hợp còn dưới 02 năm công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh

đạo thảo luận, xem xét, nếu cán bộ đủ sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì thống nhất biểu quyết (bằng phiếu kín), báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

4. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương hoặc cao hơn.

Điều 39. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, Ban Xây dựng Đảng được ủy quyền ban hành văn bản gửi cơ quan nơi cán bộ công tác để thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại.

2. Cán bộ làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, việc thực hiện chức trách, mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

3. Hội nghị tập thể cán bộ chủ chốt cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm (bằng phiếu kín) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (thành phần tham dự tương tự như hội nghị cán bộ chủ chốt trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử).

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ nhận xét, đánh giá và đề xuất ý kiến có bổ nhiệm lại (*bằng văn bản*).

5. Hội nghị Tập thể lãnh đạo thảo luận, biểu quyết (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc giới thiệu: Cán bộ được trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người có mặt ở hội nghị tập thể cán bộ chủ chốt và trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người được triệu tập ở hội nghị tập thể lãnh đạo thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử; trường hợp số phiếu đạt tỉ lệ 50% (không quá bán) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Căn cứ kết quả bỏ phiếu giới thiệu tại bước 2 (Khoản 5), tập thể lãnh đạo báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy phường xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử theo quy định.

Lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (theo Phụ lục số 3 kèm theo Quy định này) báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy phường (qua Ban Xây dựng Đảng) xem xét, quyết định.

Chương VI

ĐIỀU ĐỘNG VÀ BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 40. Mục đích, yêu cầu

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 41. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Phạm vi: Giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

3. Thẩm quyền quyết định điều động và biệt phái cán bộ thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Đảng ủy.

Khi cần thiết, Ban Thường vụ Đảng ủy thường xem xét, quyết định điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhiệm chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy thường quản lý tại các cơ quan, đơn vị.

Ban Xây dựng Đảng phối hợp với người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi đi và nơi đến) và các cơ quan liên quan trong việc tham mưu điều động, biệt phái đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy thường quản lý.

Điều 42. Quy trình điều động và biệt phái cán bộ

1. Điều động cán bộ

1.1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy thường xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

1.2. Quy trình điều động

Ban Xây dựng Đảng tiến hành quy trình điều động gồm các bước sau:

a) Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động cán bộ.

b) Bước 2: (i) Trao đổi, lấy ý kiến (bằng văn bản) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (ii) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

c) Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Biệt phái cán bộ

2.1. Căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng

đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy phường, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

2.2. Thời gian biệt phái nhiều nhất là 3 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

2.3. Quy trình biệt phái:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác và tiếp nhận cán bộ biệt phái.

- Bước 2: Gặp cán bộ để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

- Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 43. Trách nhiệm thi hành

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định điều động, biệt phái của cấp có thẩm quyền.

Điều 44. Chế độ, chính sách đối với cán bộ được điều động và biệt phái

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Cán bộ được điều động, biệt phái được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Chương VII

CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM, ĐỐI VỚI CÁN BỘ

Điều 45. Nguyên tắc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Kịp thời xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm (trừ trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 49 về bố trí công tác đối với cán bộ sau miễn nhiệm).

2. Khuyến khích cán bộ tự nguyện thôi giữ chức vụ, từ chức khi không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không còn đủ uy tín hoặc vi phạm chưa đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 46. Căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với việc cho thôi giữ chức vụ

1.1. Chịu trách nhiệm người đứng đầu (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc người đứng đầu có thời gian giữ chức vụ chưa đủ 1 năm) khi địa phương, cơ quan, đơn vị chỉ hoàn thành dưới 70% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch trong năm hoặc không hoàn thành 5 chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế. (2) Thu ngân sách nhà nước. (3) Giải ngân vốn đầu tư công. (4) Thu nhập bình quân đầu người. (5) Giảm tỉ lệ hộ nghèo.

1.2. Chịu trách nhiệm (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng) nếu kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về xây dựng Đảng, xây dựng thể chế, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh,... theo đánh giá của cấp có thẩm quyền trong năm hoặc định kỳ của cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị, địa phương mà mình là người đứng đầu (hoặc cấp phó của người đứng đầu được phân công chỉ đạo trực tiếp) không đạt chỉ tiêu, kế hoạch theo quy định hoặc các quyết định, quy chế, quy định, đề án, chương trình, dự án quan trọng do cơ quan, đơn vị mình phụ trách chủ trì tham mưu, đề xuất ban hành mà cơ quan chức năng kết luận không hiệu quả hoặc có nguy cơ gây hậu quả xấu,...

1.3. Quan liêu, xa dân, không giải quyết kịp thời ý kiến, nguyện vọng, lợi ích, khiếu nại, tố cáo chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín, cơ quan, đơn vị.

1.4. Chịu trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra điểm nóng phức tạp kéo dài liên quan đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng.

1.5. Là người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không kịp thời xử lý khi phát hiện cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý trực tiếp vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với việc từ chức

2.1. Cán bộ tự nguyện xin từ chức và được xem xét cho từ chức khi có một trong các căn cứ sau:

(1) Do bản thân nhận thấy hạn chế về năng lực lãnh đạo, quản lý hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

(2) Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

(3) Vì lý do khác của cá nhân.

(4) Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

(5) Trong nhiệm kỳ giữ chức vụ có 02 năm không liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

(6) Có hành vi vi phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

(7) Để vợ, chồng, con vi phạm pháp luật của Nhà nước; sa vào tệ nạn xã hội và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị.

(8) Để người khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn của bản thân để trục lợi và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng, bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín cá nhân và tổ chức (trừ trường hợp bản thân không biết).

(9) Không dám làm, không dám chịu trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả rất nghiêm trọng, dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đối với trường hợp nêu tại Điểm (2) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét cho thôi giữ chức vụ; đối với các trường hợp nêu tại Điểm (4), (5), (6), (7), (8), (9) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm.

2.2. Những trường hợp không được từ chức

(1) Đang đảm nhận nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật, chưa hoàn thành nhiệm vụ mà cần tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ do bản thân cán bộ đã thực hiện, nếu cán bộ từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiệm vụ mà đơn vị được giao.

(2) Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

(3) Những trường hợp có đủ căn cứ miễn nhiệm nêu tại điểm 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 3.9, Khoản 3 Điều này.

3. Đối với việc miễn nhiệm

3.1. Bị kỷ luật cảnh cáo và bị cấp có thẩm quyền đánh giá năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ được giao.

3.2. Bị kỷ luật khiển trách liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao 2 lần trở lên trong một nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm.

3.3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

3.4. Có 02 năm liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ (liên quan đến thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao).

3.5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; vi phạm những điều đảng viên

không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

3.6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

3.7. Là người đứng đầu đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gây hậu quả rất nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

3.8. Là người đứng đầu đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp xảy ra mâu thuẫn, mất đoàn kết nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải miễn nhiệm theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với các trường hợp nêu tại Điều 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 47. Thẩm quyền, trách nhiệm cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét, quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

3. Cấp uỷ, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

Điều 48. Quy trình xem xét và hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1.1. Trong thời gian 10 ngày làm việc, khi có đủ căn cứ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm thì cấp uỷ, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ hoặc cơ quan tham mưu về công tác cán bộ có trách nhiệm trao đổi với cán bộ và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.2. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

1.3. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

2. Hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm:

2.1. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ; đơn xin từ chức của cán bộ đối với trường hợp từ chức.

2.2. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, đơn của cán bộ xin từ chức, báo cáo đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ và các tài liệu có liên quan.

Điều 49. Bố trí công tác đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ

Cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ thì cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định) và không quan trọng hơn; sau ít nhất từ 12 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu cán bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét việc quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi cho thôi giữ chức vụ theo quy định.

2. Đối với cán bộ sau khi từ chức

2.1. Trường hợp thời gian công tác còn dưới 05 năm

a) Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý thì Ban Thường vụ Thành ủy xem xét từng trường hợp cụ thể.

b) Cán bộ thuộc thẩm quyền của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý nào thì cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đó xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý, được giữ nguyên ngạch công chức đã được bổ nhiệm).

2.2. Trường hợp thời gian công tác còn từ 05 năm trở lên

a) Cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí công tác như trường hợp thời gian công tác còn dưới 05 năm theo nguyên tắc như Khoản 2.1, Khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác từ 05 năm trở lên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu khắc phục tốt các vi phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém (nếu có), được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có

thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi từ chức theo quy định.

3. Đối với cán bộ sau khi miễn nhiệm

3.1. Cán bộ sau khi miễn nhiệm thì cấp có thẩm quyền xem xét bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý); sau ít nhất từ 36 tháng công tác ở vị trí mới, nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

3.2. Đối với các trường hợp nêu tại Khoản 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, Khoản 3, Điều 46, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi miễn nhiệm theo quy định.

4. Nếu cán bộ sau khi thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm mà có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu thì được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Chương VIII

THẨM QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG VIỆC TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI

Điều 50. Phạm vi, đối tượng trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Áp dụng đối với người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị (sau đây gọi tắt là người đứng đầu) tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý do Thường trực Đảng ủy phường xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ đối với các chức danh cấp uỷ viên, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy viên Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của tổ chức.

3. Việc tạm đình chỉ công tác nhằm ngăn chặn kịp thời tác động tiêu cực, cản trở việc xem xét, xử lý vi phạm đối với cán bộ. Nghiêm cấm lợi dụng việc tạm đình chỉ công tác vì mục đích cá nhân.

4. Người đứng đầu khi đã có thông báo nghỉ hưu, nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc đang bị xem xét kỷ luật, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo phải báo cáo và được sự đồng ý của thường trực cấp uỷ cấp trên trực tiếp (hoặc cấp uỷ cấp trên trực tiếp đối với những nơi không có thường trực cấp uỷ) trước khi thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác.

5. Người đứng đầu xem xét kịp thời ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo quy định mà không cần phải tiến hành thảo luận và biểu quyết trong tập thể lãnh đạo.

Điều 51. Căn cứ xem xét tạm đình chỉ công tác

1. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết

1.1. Cán bộ có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

1.2. Cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.

1.4. Cán bộ đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý trì hoãn, trốn tránh không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

1.5. Cán bộ bị kỷ luật đảng bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng

2.1. Cán bộ bị khởi tố bị can để phục vụ công tác điều tra.

2.2. Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 52. Thẩm quyền, trách nhiệm trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Thẩm quyền của người đứng đầu và quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

1.1. Thẩm quyền của người đứng đầu

(1) Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Đảng ủy phường, người đứng đầu quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới theo danh mục (nêu tại Phụ lục 5), khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 51. Trường hợp chưa có trong danh mục thì do người đứng đầu cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và quản lý xem xét, quyết định tạm đình chỉ công tác.

(2) Đề nghị cơ quan chức năng cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc yêu cầu cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Yêu cầu cán bộ bị tạm đình chỉ công tác chấp hành các yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc người có thẩm quyền để phục vụ công tác xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

1.2. Quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

(1) Có quyền đề nghị người đứng đầu xem xét lại quyết định tạm đình chỉ công tác nếu có căn cứ xác định việc tạm đình chỉ công tác không đúng quy định.

(2) Được khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi được cơ quan chức năng kết luận không vi phạm, không bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự.

(3) Chế độ, chính sách đối với cán bộ bị tạm đình chỉ công tác được thực hiện như thời điểm chưa bị tạm đình chỉ công tác.

2. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tạm đình chỉ công tác

2.1. Trách nhiệm của người đứng đầu

(1) Kịp thời ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 51; huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác trong trường hợp không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ.

(2) Chịu trách nhiệm về việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác, huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác. Công bố quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác trong cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác và gửi quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

(3) Khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, nếu có nhiều tình tiết phức tạp cần có thời gian tiếp tục xác minh, làm rõ vi phạm của cán bộ thì báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ trước khi gia hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

(1) Chấp hành nghiêm quyết định tạm đình chỉ công tác.

(2) Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan và chấp hành yêu cầu của người đứng đầu, cấp có thẩm quyền trong quá trình xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan: Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về công tác tham mưu, đề xuất, đề nghị và ra quyết định tạm đình chỉ công tác và thực hiện việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 53. Thời hạn, thủ tục, hồ sơ tạm đình chỉ công tác

1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác

1.1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết không quá 30 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 30 ngày làm việc.

1.2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực hiện theo văn bản đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thi hành án.

1.3. Quyết định tạm đình chỉ công tác đương nhiên hết hiệu lực thi hành khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác.

2. Thủ tục tạm đình chỉ công tác

2.1. Khi xác định có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 51 thì chậm nhất sau 02 ngày làm việc, cơ quan tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Chậm nhất sau 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan tổ chức cán bộ, người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.3. Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày có đủ cơ sở để huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác thì người đứng đầu ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.4. Quyết định tạm đình chỉ công tác và quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác được gửi đến cán bộ bị tạm đình chỉ công tác, công bố trong cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ và gửi đến cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Quản lý hồ sơ

Quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác và tài liệu liên quan phải lưu vào hồ sơ cán bộ, được quản lý, sử dụng theo quy định.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Căn cứ Quy định này, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy phường, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy phường, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trường hợp các văn bản, quy định được dẫn chiếu trong quy định này được sửa đổi, thay thế, bổ sung thì áp dụng theo các quy định mới.

Điều 55. Đối với việc giới thiệu nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định riêng của Trung ương.

Điều 56. Ban Xây dựng Đảng có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; kịp thời đề xuất biểu dương, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân thực hiện tốt hoặc đề xuất chấn chỉnh, xử lý đối với những tập thể, cá nhân vi phạm; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy phường.

Điều 57. Hiệu lực thi hành

Quy định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế hiệu lực thi hành của Quy định số 187-QĐ/ĐU, ngày 24/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy “đề báo cáo”,
- Ban Tổ chức Thành ủy “đề báo cáo”,
- Thường trực Đảng ủy,
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ phường,
- Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng ủy,
- Các ban xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy, Trung tâm Chính trị phường,
- Các phòng, ban, đơn vị, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội phường,
- Lưu VPĐU.

Lê Quốc Tiến

PHỤ LỤC 01
CHỨC DANH CÁN BỘ DO BAN THƯỜNG VỤ
ĐẢNG ỦY PHƯỜNG QUẢN LÝ

*(Kèm theo Quy định số -QĐ/ĐU, ngày /02/2026 của
Ban Thường vụ Đảng ủy phường)*

I. Chức danh do Ban Thường vụ Đảng ủy phường trực tiếp quản lý, quyết định hoặc cho ý kiến

1. Cấp phường

- Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy phường, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phường.

- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường; trưởng, phó các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của Đảng ủy; Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị phường.

- Ủy viên Ủy ban nhân dân phường.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội phường.

- Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; trưởng, phó ban chuyên trách các ban của Hội đồng nhân dân phường; trưởng, phó phòng thuộc Ủy ban nhân dân phường; Giám đốc, Phó Giám đốc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân phường. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường TH&THCS, trung học cơ sở, tiểu học, mầm non.

- Cấp trưởng các cơ quan thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc đang công tác và sinh hoạt đảng tại phường.

3. Đảng ủy cơ sở

- Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy cơ sở.

4. Ban Chỉ huy quân sự phường, Công an phường

- Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Công an phường, Phó Bí thư Chi bộ Quân sự phường.

- Chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự phường, Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an phường.

II. Chức danh cán bộ Ban Thường vụ Đảng ủy phường ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy phường quản lý, quyết định hoặc cho ý kiến.

- Đối với Đảng ủy cơ sở:

+ Ủy viên Ban Thường vụ của Đảng ủy cơ sở.

- Đối với Chi bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc:

+ Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ.

- Cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội phường (*Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường*) (không bao gồm phó các tổ chức chính trị - xã hội phường là cán bộ phường không chuyên trách). Cấp trưởng các hội cấp phường do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội đặc thù).

- Cấp phó các cơ quan thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại phường.

- Cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý tham gia các hội được Nhà nước giao nhiệm vụ và các hội hoạt động theo quy định của pháp luật (nếu có).

PHỤ LỤC 2
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH
CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

*(Kèm theo Quy định số -QĐ/ĐU, ngày /02/2026 của
Ban Thường vụ Đảng ủy phường)*

**I. Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ
Thành ủy quản lý**

Thực hiện theo Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 30/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

II. Quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy phường

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phường; Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp và tương đương thuộc phường; Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam là trưởng các tổ chức chính trị - xã hội; Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra phường.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp và tương đương thuộc phường; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III. Quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phường, cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc phường và tương đương; Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam phường là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội; Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra phường

1. Đối tượng 1: Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp và tương đương thuộc phường; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Công chức, viên chức các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp và tương đương thuộc phường; Chuyên viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường; Trưởng các bộ phận chuyên môn thuộc đơn vị

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IV. Quy hoạch chức danh cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc phường và tương đương; Ủy viên Ủy ban kiểm tra phường

1. Đối tượng: Công chức, viên chức các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp và tương đương thuộc phường; Chuyên viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường; Trưởng các bộ phận chuyên môn thuộc đơn vị

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

V. Quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư tổ chức đảng thuộc Đảng ủy

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban chấp hành, Phó Bí thư, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra cấp cơ sở, cấp trưởng các bộ phận chuyên môn và tương đương

Đối với các tổ chức cơ sở đảng: Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Chi ủy viên (Đảng ủy viên) cơ sở, cấp phó các bộ phận chuyên môn và tương đương.

Đối với các tổ chức cơ sở đảng: Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VI. Quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Bí thư, Ủy viên Ủy ban kiểm tra cấp cơ sở

1. Đối tượng 1: Chi ủy viên (Đảng ủy viên) cơ sở; cấp phó các bộ phận chuyên môn và tương đương

Đối với các tổ chức cơ sở đảng: Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Đảng viên thuộc chi bộ (đảng bộ); người lao động cơ quan, đơn vị

Đối với các tổ chức cơ sở đảng: Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 3
QUY TRÌNH QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
(Kèm theo Quy định số -QĐ/ĐU, ngày /02/2026 của
Ban Thường vụ Đảng ủy phường)

*** Đối với các chức danh diện Thành ủy quản lý:** Thực hiện theo Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 30/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

I. QUY TRÌNH QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam phường là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường

1. Xây dựng kế hoạch quy hoạch đầu nhiệm kỳ

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Đảng ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị phường, Thường trực Đảng ủy chỉ đạo Ban Xây dựng đảng Đảng ủy thực hiện các công việc sau: (1) Tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam phường là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường gắn với quy hoạch Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy; (2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định.

2. Quy trình quy hoạch

2.1 Bước 1: Hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy (lần 1)

- Trên cơ sở báo cáo của Ban Xây dựng đảng Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ và danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; (2) Bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định (trừ các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch). (3) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

- Nguyên tắc:

+ Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý đưa ra khỏi quy hoạch thì báo cáo, đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người được triệu tập để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 2: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả định hướng giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị tiến hành thảo luận và phát hiện, ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu

kín).

- Thành phần: Ủy viên Đảng ủy; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc phường và tương đương.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ

- Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy (lần 2).

- Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước, Ban Thường vụ Đảng ủy tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 02 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

II. QUY TRÌNH QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

1. Quy trình quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ

(1) Xây dựng kế hoạch quy hoạch đầu nhiệm kỳ

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị, ban thường vụ cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chỉ đạo cơ quan tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (i) Xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (ii) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Trung ương quản lý.

(2) Quy trình quy hoạch

Gồm 4 bước, thành phần tham dự hội nghị tương tự như đối với việc kiện toàn, giới thiệu cán bộ ứng cử tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này.

Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo: (i) Thảo luận, thông qua kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị và danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. (ii) Bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định (trừ các trường hợp đương nhiên ra

khỏi quy hoạch). (iii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

- Nguyên tắc:

+ Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý đưa ra khỏi quy hoạch thì báo cáo, đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người được triệu tập để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt

- Trên cơ sở kết quả định hướng giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị tiến hành thảo luận và phát hiện, ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

- Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 02 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

* Lưu ý:

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

- Kết quả kiểm phiếu ở bước 1, 4 được công bố tại hội nghị; đối với bước 2, 3 không công bố tại các hội nghị.

2. Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

Bước 1: Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, ban thường vụ cấp uỷ, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (i) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện

còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (ii) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo: (i) Thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác. (ii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập.

Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 02 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

* Lưu ý:

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

- Thành phần hội nghị ở các bước tương tự như thành phần trong quy trình quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ.

- Kết quả kiểm phiếu ở bước 2, 4 được công bố tại hội nghị.

PHỤ LỤC 4
THÀNH PHẦN THAM DỰ Ở CÁC BƯỚC TRONG QUY TRÌNH
BỔ NHIỆM, GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ ĐỐI VỚI CÁN BỘ ĐIỆN
BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY PHƯỜNG QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN SỰ
TẠI CHỖ

(Kèm theo Quy định số -QĐ/ĐU, ngày /02/2026 của
 Ban Thường vụ Đảng ủy phường)

1. Đối với các chức danh

- Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra chuyên trách, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Thực hiện theo Mục 8 Phụ lục 4 Quy định số 145-QĐ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy.

2. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường

2.1 Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng”: Cấp ủy Chi bộ Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam phường; các Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam; **Trưởng ban Ban Công tác Mặt trận các Tổ dân phố.**

c) Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt: Cấp ủy Chi bộ Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam phường; các Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam phường.

d) Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Thành phần như Bước 1.

Tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự.

2.2 Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của các tổ chức chính trị - xã hội phường

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Cấp ủy Chi bộ Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam phường và Ban Thường vụ của tổ chức chính trị - xã hội phường.

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng”: Cấp ủy Chi bộ Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam phường và Ban Chấp hành của tổ chức chính trị - xã hội phường.

c) Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt: Cấp ủy Chi bộ Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam phường; Ban Chấp hành của tổ chức chính trị - xã hội phường và Cấp trưởng (hoặc Phó phụ trách) các Chi hội tổ chức chính trị - xã hội phường.

d) Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Thành phần như Bước 1.

Tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự.

3. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của các ban, phòng, đơn vị sự nghiệp thuộc phường và tương đương

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Cấp trưởng và cấp phó cơ quan, đơn vị.

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng”

Tập thể lãnh đạo, ủy viên đảng ủy (chi ủy), cấp trưởng các đơn vị trực thuộc và tương đương.

c) Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Tập thể lãnh đạo, ủy viên đảng ủy (chi ủy), toàn thể công chức của của cơ quan (đối với cơ quan hành chính); toàn thể viên chức, người lao động trong biên chế làm việc thường xuyên tại đơn vị (đối với đơn vị sự nghiệp).

đ) Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Thành phần như Bước 1.

Tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự.

4. Đối với các chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân phường

a) Bước 1: Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân phường (lần 1).

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng”: Tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân phường, cấp ủy chi bộ Hội đồng nhân dân phường; Phó Trưởng ban HĐND phường; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường.

c) Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Tập thể Thường trực HĐND phường, cấp ủy chi bộ Hội đồng nhân dân phường, trưởng ban, phó trưởng ban Hội đồng nhân dân phường; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, các chuyên viên thuộc các Ban HĐND phường.

đ) Bước 4: Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân phường (lần 2)

6. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của đảng bộ, chi bộ cơ sở

a) Bước 1: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy hoặc tập thể lãnh đạo (lần 1)

- Đồng chí bí thư cấp ủy và tập thể ban thường vụ.

- Tập thể lãnh đạo: bí thư, phó bí thư (những nơi không có ban thường vụ)

b) Bước 2: Hội nghị ban chấp hành (lần 1)

Các đồng chí ủy viên ban chấp hành.

c) Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

- Đảng bộ, chi bộ các cơ quan hành chính: Ủy viên ban chấp hành; trưởng, phó các ban, phòng; bí thư chi bộ trực thuộc; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội (đối với Đảng bộ các cơ quan Đảng).

- Đảng bộ, chi bộ các đơn vị doanh nghiệp: Ủy viên Ban chấp hành; chủ tịch hội đồng; cấp trưởng, cấp phó đơn vị; chủ tịch Hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc), các thành viên hội đồng thành viên (hội đồng quản trị, Hội đồng quản lý); trưởng, phó ban, văn phòng đảng ủy; trưởng, phó các phòng, ban và tương đương; trưởng các đơn vị trực thuộc; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội; bí thư chi bộ trực thuộc.

- Đảng bộ, chi bộ các đơn vị sự nghiệp: Ủy viên ban chấp hành; cấp trưởng, phó đơn vị; trưởng, phó ban, văn phòng đảng ủy; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc và tương đương; bí thư chi bộ trực thuộc.

- Đảng bộ, chi bộ các đơn vị lực lượng vũ trang: Thực hiện theo hướng dẫn của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương.

d) Bước 4: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ (lần 2) : Thành phần như Bước 2.

(Đảng bộ Công an phường thực hiện theo hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương; Chi bộ Quân sự phường thực hiện theo hướng dẫn của Quân ủy Trung ương).

***Lưu ý:** Khi thực hiện quy trình Bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý nguồn nhân sự tại chỗ; cơ quan đơn vị mời lãnh đạo các cơ quan: Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường, Phòng Văn hóa - Xã hội (đối với các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân phường) dự, hướng dẫn và giám sát.

PHỤ LỤC 5
CÁC CHỨC DANH CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠM
ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI

*(Kèm theo Quy định số -QĐ/ĐU, ngày /02/2026 của
Ban Thường vụ Đảng ủy phường)*

I. ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN CỦA ĐẢNG

Bí thư Đảng ủy phường ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó bí thư; trưởng, phó, người làm việc trong các ban tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của đảng ủy phường; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

II- ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Hội đồng nhân dân các cấp

Chủ tịch hội đồng nhân dân phường ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó chủ tịch hội đồng nhân dân phường; trưởng ban, phó trưởng ban và người làm việc trong hội đồng nhân dân phường.

2. Cơ quan hành chính nhà nước

Chủ tịch ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc và người làm việc trong ủy ban nhân dân phường.

III. ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN KHÁC

1. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, người làm việc trong Ủy ban; người làm việc trong các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở phường.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường là trưởng tổ chức chính trị - xã hội phường ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

PHỤ LỤC 6

DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ

(Kèm theo Quy định số -QĐ/ĐU, ngày /02/2026 của
Ban Thường vụ Đảng ủy phường)

I. Hồ sơ nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và Biên bản kiểm phiếu ở các bước (bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước đối với quy hoạch cán bộ).

2. Sơ yếu lý lịch 2C theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu.

3. Đánh giá, nhận xét 03 năm gần nhất của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.

4. Đánh giá, nhận xét của chi bộ cơ sở hoặc đảng ủy cơ sở nơi công tác.

5. Nhận xét của cấp ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.

6. Bản tự nhận xét, đánh giá 03 năm gần nhất của cá nhân.

7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).

9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (có xác nhận của cơ quan quản lý cán bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền).

10. Giấy khám sức khỏe (do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp).

* Số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ báo cáo Thường trực Đảng ủy phường: 03 bộ hồ sơ đầy đủ.

- Hồ sơ báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy phường: 03 bộ hồ sơ đầy đủ; 06 sơ yếu lý lịch 2C và 06 tờ trình đề nghị của cấp ủy, cơ quan, đơn vị.

* **Lưu ý:** (i) Các tài liệu nêu tại Mục 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét. (ii) Đối với bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (gồm cả kéo

dài thời gian giữ chức vụ đến khi nghỉ hưu) thì thành phần hồ sơ không nhất thiết bao gồm tài liệu nêu tại Mục 7, 9 trừ trường hợp có nội dung mới phát sinh.

II. Hồ sơ miễn nhiệm, từ chức

1. Báo cáo của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ về việc đề nghị miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.

2. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.

3. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền; biên bản hội nghị và các tài liệu có liên quan (nếu có).

4. Đơn của cán bộ xin từ chức.

Số lượng hồ sơ báo cáo Thường trực Đảng ủy phường, Ban Thường vụ Đảng ủy phường: 03 bộ đầy đủ.

III. Hồ sơ về việc cán bộ đương chức diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý tham gia thành viên các tổ chức cấp thành phố; tham gia các tiểu ban, ban chỉ đạo cấp thành phố và các tổ chức liên địa phương và theo yêu cầu nhiệm vụ

1. Văn bản đề nghị của cấp ủy, cơ quan, đơn vị (kèm theo các biên bản, tài liệu có liên quan (nếu có).

2. Sơ yếu lý lịch 2C do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu.

Số lượng hồ sơ: 03 bộ
